

BIỂU PHÍ C: BIỂU PHÍ SẢN PHẨM DỊCH VỤ TÍN DỤNG

(không áp dụng đối với khách hàng cầm cố thẻ/sổ tiết kiệm, giấy tờ có giá do TRUSTBank phát hành)

(Ban hành kèm theo Quyết định số/2010/QĐ-TGD ngày/01/2010 của Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Đại Tín)

STT	KHOẢN MỤC		BIỂU PHÍ DỊCH VỤ			Biên độ giảm của Chi nhánh	Ghi chú
			Mức phí	Phí tối thiểu	Phí tối đa		
1	Cấp hạn mức tín dụng		0.05%/năm	300.000đ			
2	Sử dụng hạn mức (thu vào thời điểm hạn mức đến hạn)						
	2.1	Sử dụng >= 70% hạn mức	Miễn phí				
	2.2	Sử dụng < 70% hạn mức	0.02%/hạn mức không sử dụng	100.000đ			
3	Quản lý tín dụng						
	3.1	Điều chỉnh/Gia hạn nợ	0.05%/số tiền gia hạn	100.000đ			
	3.2	Phạt lãi chậm trả					
	3.2.1	Lãi tính theo dư nợ thực tế	0.3% * số tiền lãi chậm trả * số ngày chậm trả (kể từ ngày thứ 10 trở đi)	20.000đ	2.000.000đ		
	3.2.2	Lãi tính theo phương thức góp đều (lãi gộp)	50.000đ/lần				
	3.3	Trả nợ, thanh lý Hợp đồng tín dụng trước hạn					
	3.3.1	Lãi tính theo dư nợ thực tế	Miễn phí				
	3.3.2	Lãi tính theo phương thức góp đều (lãi gộp)	0.25%/tháng	100.000đ			
	3.4	Hoán đổi tài sản					
	3.4.1	Bất động sản	100.000đ/tài sản				
	3.4.2	Động sản	200.000đ/tài sản				
	3.4.3	Tài sản khác	0.3%/ giá trị tài sản	200.000đ	1.000.000đ		
	3.5	Cấp bản sao giấy tờ, hồ sơ tín dụng					
	3.5.1	Hồ sơ tài sản đảm bảo của khách hàng	20.000đ/bản				
	3.5.2	Giấy tờ khác	10.000đ/bản				
4	Dịch vụ tư vấn đầu tư (thẩm định dự án, lập dự án)		Thỏa thuận				
5	Phí tư vấn lập kế hoạch kinh doanh (hàng năm hoặc theo từng thương vụ)		Thỏa thuận				